TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 4 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Sầm Thị Tươi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Ức Trai
2. Ông Hà Đức Sơn.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:** Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giàng Seo C, sinh năm 1983
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai.
Nơi làm việc: Ủy ban nhân dân xã N, huyện S – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Ly Thị L, sinh năm 1988
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai.
Nơi làm việc: Nhân viên nấu cơm tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người phiên dịch: Chị Lù Thị Ng, năm sinh 1991
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn I, xã N1, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Giàng Seo C:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/12/2021; bản tự khai bổ sung ngày 02/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn anh Giàng Seo C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng Seo C và chị Ly Thị L tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2005, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh C và chị L chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế; ngoài ra do bản thân anh C tham gia công tác còn chị L thì ở nhà làm nông nghiệp và nấu cơm cho trường học nên vợ chồng cũng có những bất đồng nhất định trong quan điểm sống; chị L thì cũng hay ghen nên vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 9/2020 đến nay, mặc dù vợ chồng anh vẫn chung sống cùng nhà nhưng không còn quan hệ tình cảm với nhau. Nay anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ly Thị L để đảm bảo cuộc sống riêng của cả hai người.

Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng anh có hai người con chung là cháu Giàng Seo B, sinh ngày 01/3/2006 và cháu Giàng Thị S, sinh ngày 18/02/2007. Nay anh C yêu cầu Tòa án giải quyết để chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bảo và cháu S cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Hiện nay anh C đang công tác tại UBND xã N, huyện S tiền lương mỗi tháng là 7.593.000 đồng (Bảy triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Chị L nghề nghiệp chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi và làm Nhân viên nấu cơm tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai thu nhập trung bình mỗi tháng được 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Ngoài ra, cháu Giàng Seo B hiện nay đang học lớp 10 tại trường THPT số 1 S được nhà nước hỗ trợ theo chính sách dân tộc mỗi tháng là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng); cháu Giàng Thị S đang học lớp 9 tại trường Nội trú huyện S được nhà nước nuôi ăn học toàn bộ. Vì vậy chị Ly Thị L đảm bảo sẽ nuôi dưỡng được cả hai cháu khi ly hôn mà không cần anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản và quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện anh C đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của anh là có căn cứ và hợp pháp.

2. Ý kiến của bị đơn chị Ly Thị L:

Tại đơn đề nghị ngày 20/12/2021; biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2022; biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 25/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án; bị đơn chị Ly Thị L trình bày:

Chị Ly Thị L và anh Giàng Seo C chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do chị L không biết chữ, anh C cũng không bảo chị đi đăng ký kết hôn nên anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2005 chị L được anh C bắt về làm vợ theo phong tục của địa phương;

chị L cũng đồng ý ở cùng với anh C, tự nguyện làm vợ anh C từ đó đến nay. Đầu năm 2020 thì chị L phát hiện anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác; chị L có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Từ đó anh chị liên tục đánh cãi chửi nhau, xúc phạm nhau; làm cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn gia đình chị dù đã được bản thân chị nhường nhịn, khuyên nhủ, bỏ qua và chị đã giải thích cho anh C nhiều lần và được đôi bên gia đình nội, ngoại đến giải quyết tháo gỡ; anh C đã có những lời hứa và xin lỗi chị L cũng như đôi bên gia đình nội ngoại. Tuy nhiên đến nay tình trạng vợ chồng vẫn không thay đổi. Chị L cho rằng bản thân chị không làm gì sai mà anh C nhất quyết ly hôn với chị thì anh C phải ra đi hai bàn tay trắng, không được mang theo tài sản gì như anh C đã cam kết với chị L. Nay anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị vì hai người con chung con nhỏ, cần có cả bố mẹ chăm sóc nên chị L không đồng ý ly hôn với anh C.

Về con chung khi ly hôn: Chị L và anh C có hai người con chung là cháu Giàng Seo B, sinh ngày 01/3/2006 hiện đang học lớp 10 Trường THPT số 1 huyện S và cháu Giàng Thị S, sinh ngày 18/02/2007 là học sinh lớp 9 Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS &THPT huyện S. Nếu anh C cương quyết ly hôn với chị L thì chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi để các cháu sẽ là chỗ dựa lớn nhất của cuộc đời chị và chăm sóc chị khi về già. Chị L không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Chị L nấu cơm cho học sinh trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã N, huyện S mỗi tháng thu nhập là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Ngoài ra, chị còn làm ruộng, nương chăn nuôi thêm thu nhập được trung bình mỗi tháng là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) nữa. Tổng thu nhập của chị hiện nay trung bình một tháng là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Anh C là cán bộ xã N đã có bảng lương theo quy định là 7.593.000 đồng (Bảy triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) một tháng.

Về quan hệ tài sản, quyền, nghĩa vụ tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản, quyền, nghĩa vụ tài sản.

Đối với vụ án này, Tòa án đã tiến hành hòa giải về nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ L cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 71; khoản 1,2 điều 81, khoản 1,3 điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản

4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giàng Seo C và chị Ly Thị L.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Giàng Seo B, sinh ngày 01/3/2006 và cháu Giàng Thị S, sinh ngày 18/02/2007 cho chị Ly Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bảo và cháu S đủ 18 tuổi. Chị Ly Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định Pháp luật.

3.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ L vụ án, các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự của Tòa án và chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng Seo C và chị Ly Thị L tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy việc anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L và chị L không đồng ý ly hôn với anh C là không có căn cứ nên không được chấp nhận mà Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh C và chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Giàng Seo C và chị Ly Thị L có hai người con chung là cháu Giàng Seo B, sinh ngày 01/3/2006 và cháu Giàng Thị S, sinh ngày 18/02/2007. Tại biên bản hòa giải ngày 03/3/2022 anh C và chị L đã thỏa thuận với nhau để chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bảo và cháu S cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh chị đều trình bày giữ nguyên ý kiến đã trình bày với Tòa án. Về điều kiện nuôi con thì anh C và chị L đều xác nhận, thu nhập của chị L hiện nay mỗi tháng là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng); thu nhập của anh C là là

7.593.000 đồng (Bảy triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng); cháu Bảo và cháu S đi học đều được hưởng chế độ theo quy định của nhà nước; cháu S thì có nguyện vọng được ở với mẹ để mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu Bảo thì có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn thì cháu ở cùng với bố hoặc ở cùng với mẹ đều được.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo và cháu S. Tuy nhiên các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử cần giao cháu Giàng Seo B, sinh ngày 01/3/2006 và cháu Giàng Thị S, sinh ngày 18/02/2007 cho chị Ly Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Bảo và cháu S đủ 18 tuổi; anh Giàng Seo C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Giàng Seo C và chị Ly Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng Seo B, sinh ngày 01/3/2006 và cháu Giàng Thị S, sinh ngày 18/02/2007 cho chị Ly Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Bảo và cháu S đủ 18 tuổi; anh Giàng Seo C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Giàng Seo C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006891 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã N,
huyện S, tỉnh Lào Cai.
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TQĐ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi